

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

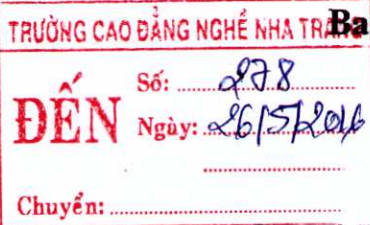
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1356/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Khánh Hòa



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số *J.A.*/TTr-SNV ngày 13 tháng 4 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3058/QĐ-UBND ngày 12/11/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng.

- *Hệ thống*

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Hội đồng thi đua - khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Các Ban đảng, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- Đảng ủy: Khối CCQ tỉnh, Khối DN;
- Các Ban HĐND tỉnh; VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT Công báo; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Khánh Hòa, Đài PT-TH Khánh Hòa;
- Lưu: VT, SNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Đức Vinh

QUY CHẾ

Thi đua, khen thưởng tỉnh Khánh Hòa

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1356 /QĐ-UBND
ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cụ thể một số nội dung về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, bao gồm: nguyên tắc thi đua, khen thưởng; tổ chức thi đua, danh hiệu và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền, hồ sơ thủ tục, thời gian khen thưởng, trao thưởng; Quỹ thi đua, khen thưởng, mức thưởng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng; quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể, hành vi vi phạm, xử lý vi phạm; khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân đóng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, hộ gia đình.

2. Cá nhân trong và ngoài tỉnh, người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài ở Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng và căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét thi đua

a) Tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển.

b) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua, không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

c) Đối với cá nhân trong một năm chỉ đề xuất một hình thức khen thưởng cấp nhà nước hoặc danh hiệu “chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

2. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời, một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng; kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

b) Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng

lớn được đề nghị khen thưởng mức cao. Chú trọng khen thưởng cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sĩ) và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.

c) Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

d) Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình cống hiến được giảm 03 năm so với quy định chung.

Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

đ) Thời gian đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước.

e) Trường hợp đang xem xét xử lý kỷ luật, hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo nhưng chưa được xác minh làm rõ thì chưa xét khen thưởng.

g) Trong một năm, không trình hai hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho một đối tượng, trừ các trường hợp khen thưởng thành tích đột xuất. Các trường hợp đề nghị tặng thưởng Huân chương có tiêu chuẩn liên quan đến "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", thì sau 2 năm được tặng "Bằng khen Thủ tướng Chính phủ" mới đề nghị xét tặng Huân chương.

Điều 4. Việc khen thưởng tổ chức hội thi, hội diễn, tôn vinh, giải thưởng

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hoặc phân công, ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh tổ chức hội thi, hội diễn, tôn vinh, giải thưởng.

Chương II TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo khối, cụm thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các khối, cụm thi đua tiến hành tổng kết và bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực

hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian.

Thi đua theo chuyên đề tổ chức trong phạm vi trong tỉnh thì khi tiến hành sơ kết, tổng kết, lãnh đạo tỉnh thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền.

3. Không khen thưởng cấp Nhà nước (Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương) cho các tập thể hoặc cá nhân khi tỉnh tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn...

Điều 6. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 16 Luật Thi đua, Khen thưởng, Điều 7 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (sau đây viết tắt là Nghị định số 42/2010/NĐ-CP) và Điều 3 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 (sau đây viết tắt là Thông tư số 07/2014/TT-BNV).

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phát động, chỉ đạo, tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh Khánh Hòa là cơ quan tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh Khánh Hòa; Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh, các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh chủ trì, phối hợp với tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi mình quản lý, chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng; tổ chức tuyên truyền, nhân rộng các điển hình, giữ vững và phát huy tác dụng của các điển hình trong hoạt động thực tiễn.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương được thành lập để thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương về công tác thi đua, khen thưởng, bình xét thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng.

Căn cứ tình hình thực tiễn, thủ trưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định số lượng thành viên Hội đồng, nhưng không quá 15 người.

3. Các Khối thi đua trong toàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức, phát động phong trào thi đua, chỉ đạo phong trào thi đua và thực hiện công tác khen thưởng theo quy định.

4. Các cơ quan thông tin truyền thông có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng, về các phong trào thi đua yêu nước, cổ động phong trào thi đua; phổ biến, nêu các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt, phản ánh các hành vi vi phạm pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức và phối hợp với các cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến;

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và Quy chế này.

Điều 8. Đăng ký thi đua (đối với thi đua thường xuyên)

1. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương, các khối thi đua tổ chức đăng ký thi đua (đăng ký các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ) và ký kết giao ước thi đua trong cơ quan, đơn vị và trong khối thi đua; đăng ký thi đua được gửi 01 bản về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ để tổng hợp).

Thời gian đăng ký: Các danh hiệu thi đua phải đăng ký trước ngày 31 tháng 01 hàng năm. Riêng các trường học và các đơn vị sự nghiệp thuộc khối giáo dục và đào tạo đăng ký trước ngày 10 tháng 9 hàng năm.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, các khối thi đua không đăng ký thi đua thì không được xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Điều 9. Các danh hiệu thi đua

Các danh hiệu thi đua được quy định tại Điều 20 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau:

1. Đối với cá nhân, gồm:

a) “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”;

b) “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”;

c) “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

d) “Lao động tiên tiến”; “Chiến sĩ tiên tiến” (áp dụng đối với Công an xã,

Dân quân xã).

2. Đối với tập thể, gồm:

a) “Cờ thi đua của Chính phủ”;

b) “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”;

c) “Tập thể Lao động xuất sắc”; “Đơn vị quyết thắng”;

d) “Tập thể Lao động tiên tiến”; “Đơn vị tiên tiến”;

đ) Danh hiệu thi đua đối với Làng, Tổ dân phố và tương đương là Làng, tổ dân phố văn hóa.

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình là “Gia đình văn hóa”.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số các cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

3. Thời điểm xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” lần thứ hai.

4. Cá nhân được đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải đạt trên 90% số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ, cụ thể:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số các cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Trong thời gian đó có ít nhất 01 sáng kiến hoặc giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có tác dụng ảnh hưởng đối với tỉnh và do Hội đồng Khoa học, sáng kiến của tỉnh xem xét, công nhận.

2. Việc xét, công nhận thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu thực hiện theo quy định hiện hành của UBND tỉnh.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Là “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”.

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã

nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

3. Việc xét, công nhận thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu thực hiện theo quy định hiện hành của UBND tỉnh.

4. Cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” phải đạt trên 70% số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở.

5. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 13. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013, Điều 5 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ;

2. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”.

3. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”.

4. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”.

5. Đối với cá nhân chuyên công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

6. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” đối

với một trong các trường hợp: Mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 14. Danh hiệu “Cờ Thi đua của Chính phủ”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 6 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ, cụ thể:

a) Các tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

b) Các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

2. Số lượng tập thể đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

Điều 15. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng, cụ thể:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của tỉnh;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc tỉnh học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

Đối với các tập thể khi xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cần xem xét đến quy mô, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của tập thể đó.

2. Số lượng và cơ cấu xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” như sau:

a) Đối với các khối thi đua của tỉnh: Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua các khối thi đua do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập.

b) Đối với các Sở, ngành thuộc tỉnh: Đơn vị dẫn đầu trong số các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, ngành.

Riêng Sở Y tế được xét đề nghị tặng không quá 03 cờ cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở (gồm các chi cục, bệnh viện và trung tâm y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện). Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được xét đề nghị tặng không quá 02 cờ cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc mỗi Sở.

Đối với các Sở, ngành có tổ chức khối thi đua gồm các doanh nghiệp (từ 05 doanh nghiệp trở lên và các doanh nghiệp không nằm trong các Khối thi đua do UBND tỉnh thành lập) hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực của ngành thì được xét, đề nghị tặng thêm 01 cờ cho khối thi đua gồm các doanh nghiệp.

c) Đối với các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh trực tiếp thực hiện nhiệm vụ công tác của tỉnh giao được xét đề nghị tặng 01 cờ cho các cơ quan

trực thuộc (tại các huyện, thị, thành phố theo hệ thống ngành dọc).

d) Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua khối các phòng, ban, cơ quan thuộc và trực thuộc Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy.

đ) Đối với các huyện, thị xã, thành phố:

- Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua khối các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện;

- Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua khối các ban xây dựng Đảng, Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội, trung tâm và tương đương thuộc cấp ủy các huyện, thị xã, thành phố.

e) Đối với cấp xã: Các huyện, thị xã, thành phố có từ 15 đơn vị hành chính cấp xã trở lên được xét, đề nghị tặng 02 cờ cho đơn vị cấp xã; các huyện, thị xã, thành phố có dưới 15 đơn vị hành chính cấp xã được xét, đề nghị tặng 01 cờ cho đơn vị cấp xã.

g) Đối với các trường, các cấp học, bậc học thuộc Ngành giáo dục - đào tạo: xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cho:

- Khối các trường Trung học phổ thông, các Trung tâm giáo dục thường xuyên, kỹ thuật - tổng hợp, hướng nghiệp - dạy nghề: không quá 02 cờ.

- Khối các trường học của các huyện, thị xã, thành phố: xét tặng không quá 02 cờ cho mỗi huyện, thị xã, thành phố. Riêng thị xã Ninh Hòa và thành phố Nha Trang xét tặng không quá 03 cờ.

h) Đối với các doanh nghiệp thuộc tình hoạt động theo mô hình tập đoàn kinh tế, công ty mẹ - công ty con, Tổng Công ty... được xét tặng cho đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua. Riêng Tổng Công ty Khánh Việt và Công ty TNHH Nhà nước MTV Yên Sào Khánh Hòa được xét tặng không quá 02 cờ cho mỗi đơn vị.

i) Các trường hợp đặc biệt khác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Điều 16. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm; tiêu chuẩn thực hiện theo Điều 27 và Điều 28 của Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” là tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” theo tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 27 Luật Thi đua, Khen thưởng. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” gồm:

a) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã...(trừ các Tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng và tương đương.

b) Đối với cấp tỉnh gồm: Phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương.

c) Đối với cấp huyện gồm: Phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

d) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng.

Những tập thể không thuộc đối tượng xét tặng cờ thi đua, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” khi xem xét đề nghị tặng thưởng Huân chương và “Bằng khen Thủ tướng Chính phủ”, thì được căn cứ vào thành tích của các đơn vị trực thuộc trực tiếp để xem xét khen thưởng, cụ thể là: trong khoảng thời gian xét khen thưởng (ví dụ 05 năm), hàng năm tập thể đó phải có từ 2/3 trở lên số đơn vị trực thuộc trực tiếp đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” và phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, cơ quan, đơn vị và địa phương đề nghị tặng thưởng “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” tối đa không quá 30% tổng số các tập thể thuộc và trực thuộc đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

4. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Công an tỉnh căn cứ các quy định về công tác thi đua khen thưởng và hướng dẫn của cơ quan ngành dọc từ Trung ương để xét tặng theo thẩm quyền và phối hợp với các cơ quan liên quan để xét tặng, đề nghị cấp có thẩm quyền tặng các danh hiệu trên đây bảo đảm đúng quy trình, tiêu chuẩn.

Điều 17. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Làng, tổ dân phố văn hóa”

Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Làng, tổ dân phố văn hóa” và tương đương được xét tặng hàng năm cho các đối tượng đạt tiêu chuẩn tại Điều 29 và Điều 30 Luật Thi đua, Khen thưởng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức bình xét, tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” và lựa chọn những gia đình tiêu biểu trong số các gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” để thưởng tiền theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 71 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 18. Hình thức khen thưởng

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng, gồm có các hình thức khen thưởng như sau:

1. Huân chương gồm: “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập”, “Huân chương Quân công”, “Huân chương Lao động”, “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc”, “Huân chương Chiến công”, “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”, “Huân chương Dũng cảm”, “Huân chương Hữu nghị”;

2. Huy chương gồm: “Huy chương Quân kỳ quyết thắng”, “Huy chương Vì an ninh Tổ quốc”, “Huy chương Chiến sỹ vẻ vang”, “Huy chương Hữu nghị”;

3. Danh hiệu vinh dự nhà nước gồm: “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, “Anh

hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Nhà giáo nhân dân”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Nghệ sỹ nhân dân”, “Nghệ nhân nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”, “Thầy thuốc ưu tú”, “Nghệ sỹ ưu tú”, “Nghệ nhân ưu tú”;

4. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”;

5. Kỷ niệm chương, Huy hiệu;

6. Bằng khen, Giấy khen.

Điều 19. Đối tượng, điều kiện và tiêu chuẩn khen thưởng

Các danh hiệu và hình thức khen thưởng: “Huân chương”, “Huy chương”, “Danh hiệu vinh dự nhà nước”, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”; “Kỷ niệm chương”, “Huy hiệu” thực hiện theo quy định tại các điều từ Điều 34 đến Điều 69 của Luật Thi đua - Khen thưởng, Điều 37, 38, 39, 42, 46 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và từ Điều 7 đến Điều 22 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ; Điều 14 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ.

Việc xét sáng kiến đối với tiêu chuẩn khen thưởng có liên quan đến sáng kiến thực hiện theo quy định hiện hành của UBND tỉnh Khánh Hòa.

Điều 20. Đối tượng và tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Đối tượng và tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ được quy định tại Điều 23 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết từ 03 năm trở lên;

b) Đạt nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh;

c) Đã được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen (Bằng khen về thành tích toàn diện) hoặc Bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; trong thời gian đó, có 05 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở hoặc mưu trí, dũng cảm, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được 05 lần tặng giấy khen trở lên.

2. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện;

b) Công nhân có từ 02 sáng kiến trở lên mang lại lợi ích và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên

môn, tay nghề;

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

3. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết từ 03 năm trở lên;

b) Đạt thành tích xuất sắc đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh;

c) Đã được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có ít nhất 01 lần được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh hoặc của cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.

4. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 500 triệu đồng/năm trở lên.

5. Hội đồng thi đua khen thưởng các cấp khi xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen phải kết hợp giữa thành tích, tiêu chuẩn và quá trình công hiến của cá nhân, tập thể.

Điều 21. Đối tượng, tiêu chuẩn và số lượng tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Khen thưởng đột xuất

Tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của Nhà nước (thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận).

2. Khen thưởng đối ngoại: các cá nhân, tổ chức ngoài tỉnh; cá nhân, tổ chức người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều thành tích, có đóng góp vào sự nghiệp xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh; có thành tích xuất sắc trong các hoạt động xóa đói, giảm nghèo, nhân đạo, từ thiện trên địa bàn tỉnh (có quy chế riêng).

3. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt): Tặng cho tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia; các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, các đợt thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch UBND tỉnh phát động.

Các cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện các chương trình, chỉ thị... nêu trên chủ động phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ để thống nhất tham mưu UBND tỉnh về chủ trương và tỷ lệ khen thưởng phù hợp với điều kiện thực tế

trước khi tổ chức sơ kết, tổng kết.

4. Khen thưởng thường xuyên:

a) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do UBND tỉnh phát động hàng năm;

- Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh;

- Có hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

b) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

- Lập thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh;

- Có hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với các thành viên trong tập thể.

Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động đối với người lao động, chấp hành nghiêm quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, sinh thái.

5) Số lượng tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (đối với khen thưởng thường xuyên):

a) Các đơn vị thuộc tỉnh được xét đề nghị cho cá nhân tối đa bằng 4% trong tổng số cán bộ, công nhân viên chức, lao động thuộc đơn vị và cho tập thể tối đa bằng 30% tổng số tập thể thuộc và trực thuộc đơn vị.

b) Đối với các đơn vị lực lượng vũ trang (Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh) được xét đề nghị cho cá nhân tối đa bằng 1% trong tổng số cán bộ, công nhân viên chức, lao động thuộc đơn vị và cho tập thể tối đa bằng 10% tổng số các tập thể thuộc và trực thuộc đơn vị.

c) Các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh:

- Các đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ công tác của tỉnh giao được xét đề nghị cho cá nhân tối đa bằng 2% trong tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc đơn vị và cho tập thể tối đa bằng 10% tổng số tập thể thuộc và trực thuộc đơn vị.

- Các đơn vị thực hiện nhiệm vụ công tác toàn diện của ngành dọc Trung ương giao được xét đề nghị cho cá nhân tối đa bằng 1% trong số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc đơn vị và cho tập thể tối đa bằng 7% tổng

số tập thể thuộc và trực thuộc đơn vị.

6. Khen thưởng đối với hộ gia đình: Gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; gia đình có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội, cụ thể: có giá trị 250 triệu đồng trở lên (đối với khu vực đồng bằng) và 125 triệu đồng trở lên (đối với khu vực miền núi, hải đảo).

7. Đối với các trường hợp khen thưởng khác như: Khen thưởng nhân dịp kỷ niệm 10 năm, 20 năm... ngày thành lập cơ quan, đơn vị; Khen thưởng nhân dịp Đại hội nhiệm kỳ 5 năm, cải cách hành chính và một số trường hợp đặc biệt khác thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Điều 22. Giấy khen

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất;
- c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất;
- c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, Chủ nhiệm hợp tác xã trong phạm vi quyền hạn xem xét để tặng Giấy khen cho các tập thể, cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

4. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

5. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

Chương IV

THẨM QUYỀN, HỒ SƠ THỦ TỤC, THỜI GIAN KHEN THƯỞNG, TRAO THƯỞNG

Điều 23. Thẩm quyền xét duyệt, quyết định khen thưởng và đề nghị khen thưởng

1. Chủ tịch UBND tỉnh trình Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến trước khi quyết định trình Thủ tướng Chính phủ đề trình Chủ tịch nước quyết định khen thưởng cho các tập thể và cá nhân đề nghị phong tặng (hoặc truy tặng) danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”; các hình thức khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập (các hạng).

2. Chủ tịch UBND tỉnh trình Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh trình Thường trực Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến trước khi quyết định trình Thủ tướng Chính phủ đề trình Chủ tịch nước quyết định khen thưởng cho các tập thể và cá nhân đề nghị tặng thưởng Huân chương Lao động, Huân chương Hữu nghị các hạng.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định tặng thưởng: Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”; “Tập thể Lao động xuất sắc”; “Đơn vị quyết thắng”; “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” và Bằng khen.

b) Trình Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và xét trình Chủ tịch nước quyết định khen thưởng theo thẩm quyền.

c) Ủy quyền cho cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét hiệp ý (Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen Thủ tướng, Huân chương các loại) khi có văn bản đề nghị của bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.

4. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các ban, ngành và tương đương (bao gồm cả đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh):

a) Tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở” và Giấy khen;

b) Trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh;

c) Trình Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước.

5. Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã:

a) Tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”; “Lao động tiên tiến”; “Tập thể Lao động tiên tiến”; “Làng, tổ dân phố văn hóa”; “Chiến sỹ tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” cho lực lượng Công an xã, Ban bảo vệ dân phố và Giấy khen;

b) Trình Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh;

c) Trình Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước.

6. Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn:

a) Tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Gia đình văn hóa” và Giấy khen;

b) Trình Chủ tịch UBND cấp huyện tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”

đôi với cán bộ, công chức, công nhân người lao động thuộc quản lý của cấp xã và “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” cho tập thể cán bộ, công chức cấp xã;

c) Trình Chủ tịch UBND huyện đề nghị cấp có thẩm quyền tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, Chủ nhiệm hợp tác xã:

a) Tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và Giấy khen;

b) Trình Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh;

c) Trình Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước.

8. Cán bộ, nhân viên và người lao động trong các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và trong các lĩnh vực khác cấp tỉnh thì Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý các đối tượng trên xét, quyết định danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và Giấy khen.

Điều 24. Thẩm định, xét khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị tặng “Huân chương”, “Huy chương”, “Danh hiệu vinh dự nhà nước”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Bằng khen Thủ tướng Chính phủ” cho các đơn vị thuộc tỉnh và các địa phương.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, huyện, thành phố, thị xã, doanh nghiệp tham mưu Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã, Giám đốc doanh nghiệp khen thưởng theo thẩm quyền, hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng - Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

a) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ khen thưởng, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền;

b) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, thành tích khen cấp nhà nước, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 23 Quy chế này.

c) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, thành tích khen cấp nhà nước, tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 25. Thẩm quyền trao tặng khen thưởng

Người có thẩm quyền quyết định khen thưởng quy định tại Điều 23 của Quy chế này trực tiếp trao tặng khen thưởng cho tập thể và cá nhân do mình quyết định khen thưởng hoặc ủy quyền trao tặng Quyết định khen thưởng của mình cho cấp

dưới trực tiếp.

Điều 26. Quy định chung về thủ tục, tuyến trình khen thưởng

1. Cơ quan nào quản lý về tổ chức, biên chế và quỹ lương thì cơ quan đó có trách nhiệm khen thưởng, hoặc trình cấp trên khen thưởng cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Cấp nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, khi tổng kết lựa chọn điển hình thì cấp đó chủ yếu sử dụng hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền để khen; trường hợp đặc biệt xuất sắc tiêu biểu mới đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Các cơ quan do Bộ, ngành Trung ương quản lý về tổ chức, biên chế, quỹ lương chỉ trình Chủ tịch UBND tỉnh xét khen thưởng thành tích xuất sắc về tham gia phong trào thi đua của địa phương và thành tích xuất sắc đợt xuất thực hiện nhiệm vụ của tỉnh.

4. Tuyến trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ và Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ.

5. Đối với tổ chức Đảng, đoàn thể:

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

b) Tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

6. Đối với tổ chức công đoàn:

a) Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho Liên đoàn Lao động tỉnh và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc đơn vị nêu trên.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho: Các Ban và đơn vị trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh; Liên đoàn Lao động cấp huyện; công đoàn ngành cấp tỉnh, công đoàn viên chức tỉnh; công đoàn khu công nghiệp; công đoàn Tổng công ty và tương đương; công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.

c) Liên đoàn Lao động tỉnh đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh trình cấp trên khen thưởng cho các đối tượng sau: Liên đoàn lao động cấp huyện; công đoàn ngành cấp tỉnh, công đoàn viên chức tỉnh; công đoàn khu công nghiệp; công đoàn Tổng công ty và tương đương; công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.

7. Đối với tập thể, cá nhân thuộc Ban Quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp thực hiện như sau:

Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp quyết định tặng thưởng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và Giấy khen của Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp. Trên cơ sở đề nghị của Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trình Thủ tướng Chính phủ xét, quyết định khen thưởng hoặc trình Chủ tịch nước khen thưởng.

8. Đại biểu Quốc hội chuyên trách do Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội; đại biểu HĐND tỉnh chuyên trách, tập thể HĐND tỉnh do Văn phòng HĐND tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng. Đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã chuyên trách, tập thể HĐND cấp huyện, cấp xã do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

9. Tập thể, cá nhân ngoài tỉnh, người nước ngoài có thành tích đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh liên quan đến Sở, ngành, địa phương, đoàn thể nào thì Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND địa phương đó quyết định khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng theo quy định hiện hành của tỉnh về khen thưởng các tổ chức, cá nhân là người Việt Nam ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp xuất sắc cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế xã hội tỉnh Khánh Hòa.

10. Việc tổng kết các phong trào thi đua theo chuyên đề của tỉnh do Sở, ban, ngành, đoàn thể chủ trì phải báo cáo UBND tỉnh về kế hoạch tổng kết. Khi có kế hoạch tổng kết của UBND tỉnh, các đơn vị thống nhất với Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) để xét khen thưởng theo quy định.

11. Đối với Thủ trưởng đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu được đề nghị khen thưởng thì đơn vị đó phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động và vệ sinh môi trường. Đơn vị đề nghị khen chuyên đề của tỉnh phải lấy ý kiến của đơn vị, địa phương liên quan đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

12. Những cán bộ đã nghỉ hưu, nay đơn vị đã giải thể hoặc sáp nhập thì đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ của cơ quan đó có trách nhiệm xem xét, đề nghị; cá nhân đã nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) hồ sơ đề nghị khen thưởng do cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) xem xét, hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

13. Tổ chức, cá nhân báo cáo thành tích khen thưởng phải chịu trách nhiệm về các nội dung, thành tích trước cơ quan trình khen và trước pháp luật theo quy định.

Điều 27. Thủ tục, hồ sơ xét đề nghị tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Trung ương, tỉnh

1. Thủ tục xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước thực hiện theo quy định tại các điều từ Điều 54 đến Điều 65 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ.

2. Thủ tục xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc

thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh như sau:

a) Thủ tục xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh” đối với các đơn vị thuộc Khối thi đua.

- Hồ sơ đề nghị tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” do đơn vị được giao nhiệm vụ làm Trưởng khối trình Chủ tịch UBND tỉnh qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) gồm:

+ Tờ trình;

+ Biên bản bình xét của Khối thi đua;

+ Báo cáo tổng hợp của khối thi đua có đính kèm bảng chấm điểm theo quy định của UBND tỉnh.

- Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định hồ sơ, thành tích trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét trình Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Thủ tục xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh” đối với các đơn vị thuộc các ngành, lĩnh vực; danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Tập thể Quyết thắng”; Bằng khen.

- Hồ sơ đề nghị do cơ quan, đơn vị thuộc các ngành, lĩnh vực trình Chủ tịch UBND tỉnh qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) gồm:

+ Tờ trình;

+ Biên bản của Hội đồng thi đua, khen thưởng cơ quan, đơn vị;

+ Báo cáo thành tích của tập thể và cá nhân đề nghị khen thưởng có xác nhận của cơ quan trình.

- Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định hồ sơ, thành tích trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định

c) Thủ tục xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

- Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” do cơ quan, đơn vị trình Chủ tịch UBND tỉnh qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) gồm:

+ Tờ trình;

+ Báo cáo thành tích của cá nhân có xác nhận của đơn vị trình;

+ Biên bản của hội đồng thi đua, khen thưởng cơ quan, đơn vị;

+ Giấy chứng nhận sáng kiến của cơ quan, đơn vị;

+ Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với sáng kiến hoặc đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, cụ thể:

• Đối với sáng kiến gồm: Biên bản họp Hội đồng đánh giá tầm ảnh hưởng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh (Hội đồng do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức theo quy định hiện hành của UBND tỉnh).

• Đối với đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh gồm: Quyết định công nhận hoặc Quyết định phê duyệt và công bố ứng dụng kết quả của UBND tỉnh.

• Đối với các đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp cơ sở: Biên bản họp Hội đồng đánh giá tầm ảnh hưởng của đề tài, dự án khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh (Hội đồng do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức theo quy định hiện hành của

UBND tỉnh).

- Ban Thi đua - Khen thưởng thẩm định hồ sơ thành tích, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Thủ tục đơn giản chỉ áp dụng cho khen thưởng đột xuất và thực hiện theo Điều 85 Luật Thi đua, Khen thưởng. Việc đề nghị khen thưởng phải thực hiện ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc, đột xuất.

Hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất do quan, đơn vị có thẩm quyền trình Chủ tịch UBND tỉnh qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) gồm:

- + Tờ trình và danh sách đề nghị khen thưởng;
- + Bản tóm tắt thành tích của tổ chức, cá nhân đề nghị khen thưởng.

4. Ban Thi đua - Khen thưởng lấy ý kiến nhân dân trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa, website Sở Nội vụ Khánh Hòa đối với các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, Huân, Huy chương các hạng, danh hiệu vinh dự Nhà nước trong thời gian 05 ngày làm việc.

5. Số lượng hồ sơ:

- Số lượng hồ sơ thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước: 04 bộ (bản chính).

- Số lượng hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh: 02 bộ (bản chính).

Các văn bản trình phải kèm theo file điện tử gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng.

Điều 28. Thời gian trình khen thưởng

Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hàng năm gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thuộc Sở Nội vụ) chậm nhất ngày cuối tháng 02 năm sau; khen thưởng theo năm học của ngành Giáo dục và Đào tạo chậm nhất ngày 30 tháng 8 hàng năm. Các trường hợp khen thưởng sơ kết, tổng kết chương trình mục tiêu (khen thưởng chuyên đề) gửi hồ sơ trước ngày tổ chức ít nhất 10 ngày làm việc; trường hợp khen thưởng đột xuất gửi hồ sơ trước 05 ngày làm việc.

Điều 29. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại của công dân hoặc xác nhận cho các đối tượng hoặc hưởng chính sách khi có yêu cầu. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 30. Tổ chức trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Nghi thức tổ chức lễ trao tặng và đón nhận thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua, nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài; đảm

bảo yêu cầu trang trọng, thiết thực, tiết kiệm, tạo sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục thi đua đạt thành tích cao hơn.

2. Mỗi trường hợp được khen thưởng phải được tổ chức lễ trao tặng và đón nhận một lần. Nếu có nhiều trường hợp được tặng thưởng trong cùng một khoảng thời gian thì tổ chức trao tặng và đón nhận chung trong một buổi lễ, nếu trong khoảng thời gian đó có ngày kỷ niệm của cơ quan, đơn vị, địa phương, ngày lễ lớn của đất nước hoặc nhân dịp tổ chức sơ kết, tổng kết, phát động phong trào thi đua thì kết hợp tổ chức trao tặng.

Chương V

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG, MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 31. Lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng.

2. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

a) Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thuộc Sở Nội vụ quản lý;

b) Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp huyện do Phòng Nội vụ quản lý;

c) Quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý.

d) Việc lập dự toán, quản lý chi tiêu và quyết toán kinh phí khen thưởng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính.

- Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng thì chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng do cấp mình quản lý.

Các đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành là đơn vị dự toán cấp II chịu trách nhiệm chi tiền thưởng theo quy định đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền giám đốc sở, thủ trưởng các ban, ngành cho các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp.

- Khen thưởng chuyên đề (các chương trình mục tiêu) được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình mục tiêu đó.

3. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 32. Tiền thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76 Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

2. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất.

3. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.

4. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Chương VI **QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ;** **HÀNH VI VI PHẠM, XỬ LÝ VI PHẠM;** **KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI,** **TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 78 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Điều 34. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với cá nhân, tập thể được khen thưởng

Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với cá nhân, tập thể được khen thưởng thực hiện theo quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 80, Điều 81, Điều 84 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, Điều 25, Điều 26 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ.

Điều 35. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng

Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 82, Điều 83 của Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Chương VII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 36. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan trên

địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm Quy chế này. Giao Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

Điều 37. Căn cứ Quy chế này và các quy định về công tác thi đua, khen thưởng, các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng quy chế thi đua, khen thưởng của đơn vị mình.

Điều 38. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu gặp vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời báo cáo, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Lê Đức Vinh